TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 21 – 01 - 2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Đức
Ông Đinh Đức Thành.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 03/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; Nơi thường trú: thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** anh Bùi Xuân C, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982. Cùng thường trú tại: thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; đều vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (anh Phạm Văn H) trình bày:

Anh Phạm Văn H và bị đơn (anh Bùi Xuân C và Nguyễn Thị P) có quan hệ là hàng xóm với nhau. Tháng 3/2022 khi anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P gặp điều kiện kinh tế khó khăn, có đến vay anh H số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm) triệu đồng và anh H đồng ý. Ngày 21/3/2022 anh Phạm Xuân H1 với anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P có viết 01 giấy vay tiền nội dung: "Tôi (Phạm Văn H) cho vợ chồng ông Bùi Xuân C và bà Nguyễn Thị P vay số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Thời hạn tôi (Phạm Văn H) cho vay là 02 năm kể từ ngày cho vay. Nếu quá thời hạn cho vay mà bên vay không trả được nợ thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật".

Trong giấy vay tiền có chữ ký của anh Phạm Văn H, anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P. Hai bên ký giấy vay, nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi hết thời hạn vay tiền như đã thỏa thuận, bị đơn anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P1 không trả số tiền đã vay. Anh H đã nhiều lần yêu cầu anh C và chị P phải trả cho anh H số tiền đã vay là 35.000.000 đồng, tuy nhiên đã nhiều lần liên lạc nhưng anh C và chị P vẫn không trả tiền. Anh H đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên yêu cầu anh C và chị P phải trả cho anh toàn bộ số tiền đã vay. Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên đã thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải nhưng anh C và chị P đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền đã vay là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể mỗi người phải trả số tiền là 17.500.000đ (mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P1 vắng mặt tại phiên tòa, tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) trình bày: Anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận việc nên anh chị không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định và có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc C1, sinh ngày 20/6/2020. Anh C và chị P là hàng xóm với anh Phạm Văn H, trong lúc khó khăn anh C và chị P có vay của anh H số tiền là 35.000.000 đồng với mục đích làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/3/2022 anh C và chị P với anh H có lập 01 giấy cho vay tiền nội dung anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P có vay anh Phạm Văn H số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm và không tính lãi.

Anh C và chị P thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 21/3/2022 là của anh C và chị P. Anh C và chị P đã nhận đủ số tiền này từ anh H và cùng nhau sử dụng chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, các bị đơn là anh C và chị P có quan điểm sẽ có trách nhiệm trả cho anh Phạm Văn H số tiền đã vay là 35.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện cơ bản đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các bị đơn: nguyên đơn và các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại bản tự khai đề ngày 31/12/2024 anh C và chị P đề nghị được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Phạm Văn H) về việc yêu cầu buộc các bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền đã vay là: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), chia theo phần, mỗi người phải trả 17.500.000đ (mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Căn cứ vào các nội dung yêu cầu khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn (anh Phạm Văn H) khởi kiện đối với các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) cùng cư trú tại thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại các bản tự khai đề ngày 31/12/2024, bị đơn (anh C và chị P) đề nghị được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyên đơn (anh Phạm Văn H) và các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) có quan hệ là hàng xóm có quen biết nhau, do khó khăn về kinh tế nên anh C và chị P có vay của anh H số tiền là 35.000.000 đồng với mục đích để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chi tiêu chung trong gia đình.

Ngày 21/3/2022 Anh Phạm Văn H với anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P có viết 01 giấy vay tiền nội dung: “Tôi (Phạm Văn H) cho vợ chồng ông Bùi Xuân C và bà Nguyễn Thị P vay số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Thời hạn tôi (Phạm Văn H) cho vay là 02 năm kể từ ngày cho vay. Nếu quá thời hạn cho vay mà bên vay không trả được nợ thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

Các bên ký giấy vay nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Đến hết thời hạn 02 năm, anh H đã nhiều lần yêu cầu anh C và chị P phải trả đủ cho anh H số tiền đã vay là 35.000.000 đồng, tuy nhiên đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu trả

nợ nhưng anh C và chị P vẫn không trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P đều thừa nhận nội dung vay tiền của anh Phạm Văn H như đã nêu trên và cam đoan sẽ có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã vay là 35.000.000đ cho anh Phạm Văn H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Phạm Văn H), Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 21/3/2022 giữa nguyên đơn (anh Phạm Văn H) và các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) có viết 01 Giấy vay tiền với nội dung anh C và chị P có vay anh H số tiền là 35.000.000 đồng.

- Về hình thức: Việc vay, nhận nợ giữa nguyên đơn (anh Phạm Văn H) và các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) được lập thành văn bản.

- Về chủ thể tham gia: tại thời điểm các bên thực hiện việc ký vay, nhận nợ, nguyên đơn (anh Phạm Văn H) và các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) đều có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Hai bên ký giấy vay tiền ngày 21/3/2022 là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của giấy vay tiền không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Dân sự.

- Về nội dung: trong giấy vay tiền ngày 21/3/2022, nguyên đơn (anh Phạm Văn H) và các bị đơn (anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P) không thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền cho vay, thời hạn vay là 02 năm.

Từ những phân tích, đánh giá như trên Hội đồng xét xử xét thấy: có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Phạm Văn H).

[3] Về án phí*:* bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn (anh Phạm Văn H) toàn bộ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Phạm Văn H).

1. Về nghĩa vụ trả nợ: bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn H số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn H số tiền 17.500.000đ (mười bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là anh Bùi Xuân C và chị Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 875.000đ (tám trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn (anh Phạm Văn H) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000đ (T trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003971 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Huy